TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI LĂNG** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Bùi Diệu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Anh.

2. Ông Nguyễn Ngọc Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Lăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2023/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy T; địa chỉ: Khu phố 1, phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T trình bày:

Chị Lê Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn N kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1 (nay là xã H), huyện H, tỉnh Quảng Trị vào ngày 06/12/2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã. Chị T và anh N đã nhiều lần trao đổi để giải quyết, khắc phục mâu thuẫn nhưng không được. Vì vậy, chị T và anh N đã sống ly thân hơn

01 năm nay. Nhận thấy không thể quay về chung sống với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hữu D, sinh ngày 23/10/2014 và Nguyễn Lê Minh N, sinh ngày 13/4/2017. Chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, còn giao cháu D cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía anh Nguyễn Văn N, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên anh N không đến tham gia tố tụng tại các phiên họp, phiên tòa và không trình bày ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 175, 177, 178, 195, 196, 203, 220, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý, quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ; thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo các phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuân thủ quy định của pháp luật về thời hạn thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và thực hiện việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trước khi tham gia phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn N chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không đến phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện, cho chị Lê Thị Thùy T được ly hôn anh Nguyễn Văn N. Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu D, sinh ngày 23/10/2014; giao cho chị Lê Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Minh N, sinh ngày 13/4/2017. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên

không xem xét. Về án phí: Chị Lê Thị Thùy T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện H, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa đúng trình tự thủ tục tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn N kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1 (nay là xã H), huyện H, tỉnh Quảng Trị vào ngày 06/12/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã nhau do không hòa hợp tính tình, lối sống. Chị T và anh N đã không chung sống với nhau hơn 01 năm nay và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Chị T và anh N có 02 con chung là Nguyễn Hữu D, sinh ngày 23/10/2014 và Nguyễn Lê Minh N, sinh ngày 13/4/2017. Kể từ khi chị T và anh N không chung sống với nhau cho đến nay thì cháu D ở cùng anh N và được anh N chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu N ở cùng chị T và được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu D có nguyện vọng được ở với anh N, để anh N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Qua xác minh tại địa phương, Hội Liên hiệp phụ nữ xã H xác nhận: Sau khi chị T và anh N không còn chung sống với nhau, cháu D được anh N chăm sóc, nuôi dưỡng tốt.

Vì vậy, để ổn định cuộc sống cho các cháu, cần giao cháu Nguyễn Hữu D cho anh N và giao cháu Nguyễn Lê Minh N cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu D, sinh ngày 23/10/2014 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Lê Minh N, sinh ngày 13/4/2017 cho chị Lê Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số CC/2021/0000366 ngày 09/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Chị Lê Thị Thùy T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- THADS huyện Hải Lăng;
- UBND xã Hải Hưng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Bùi Diệu Lương